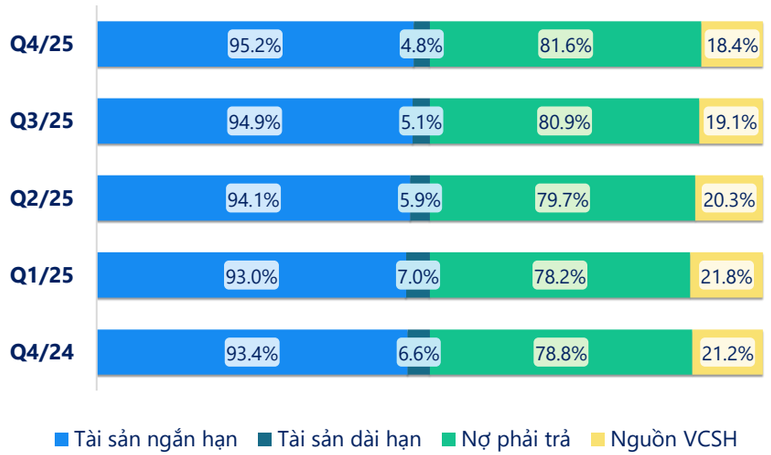
FireAnt

CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
P/E	20.8
EPS	400

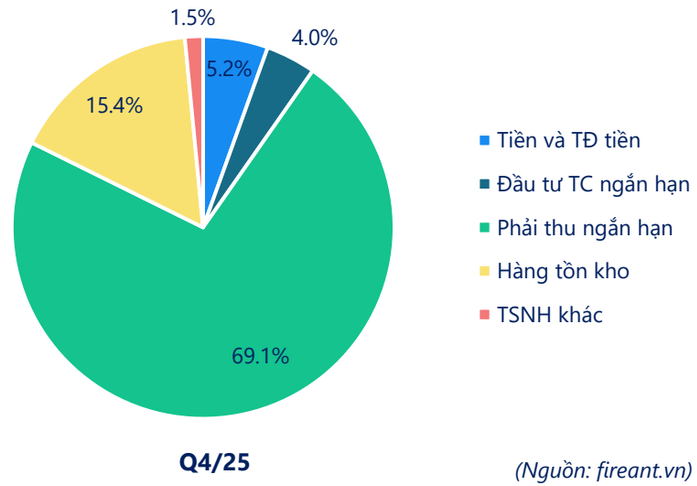
	YTD	1T	3T	6T
PEN	25.8%	2.5%	-23.1%	-7.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

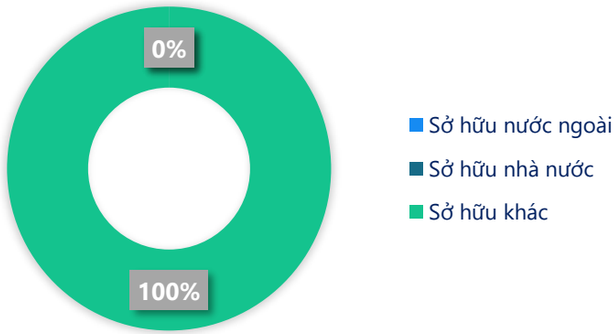
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

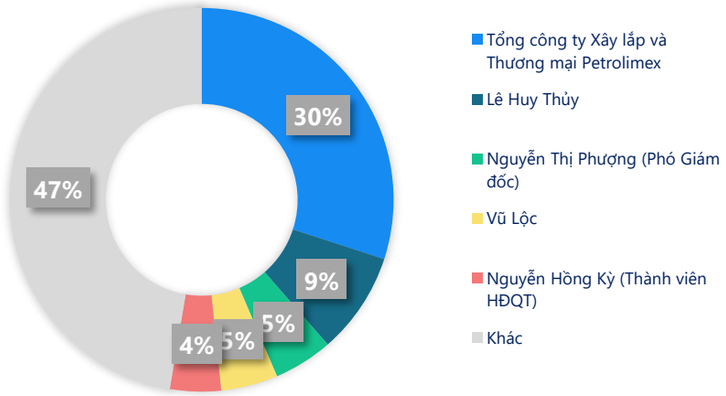
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



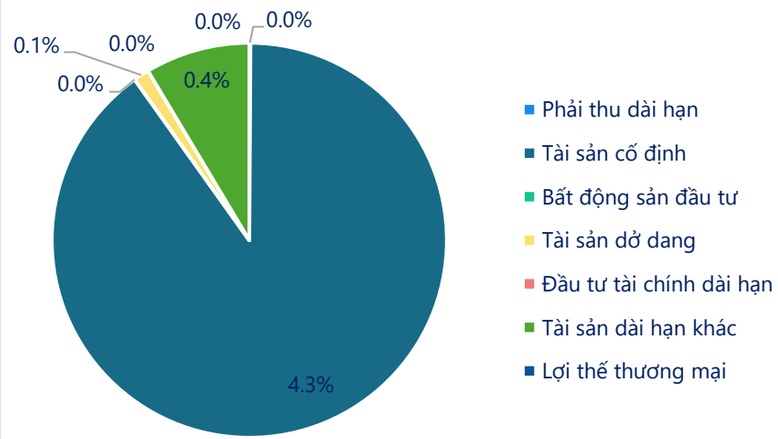
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



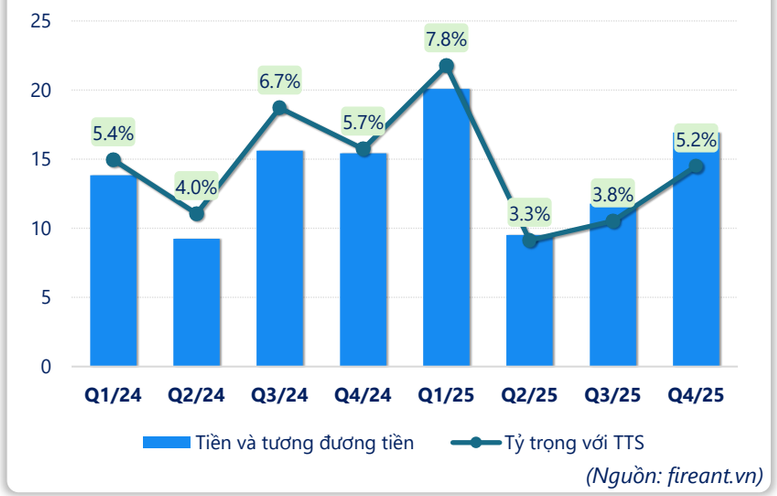
Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

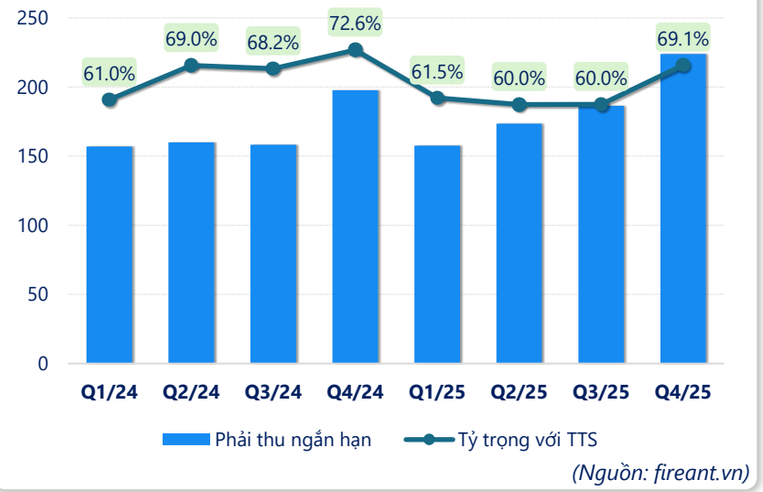
CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



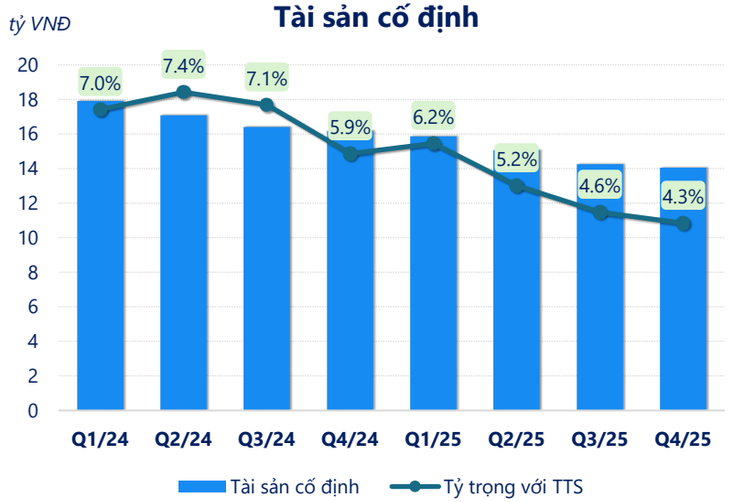
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



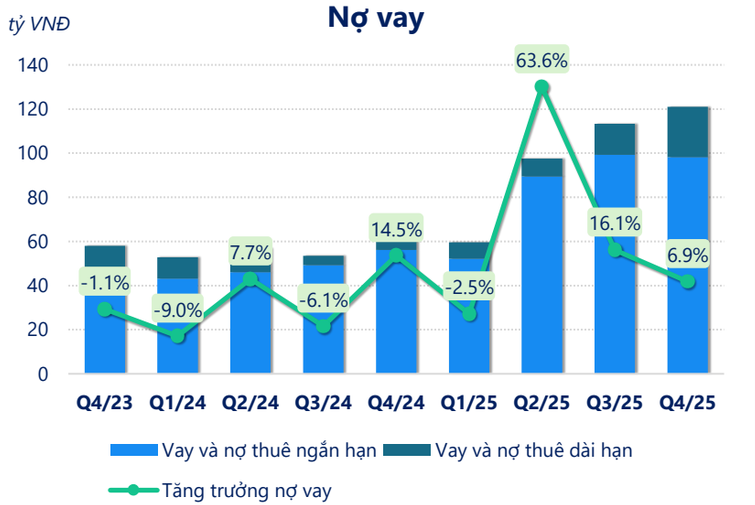
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



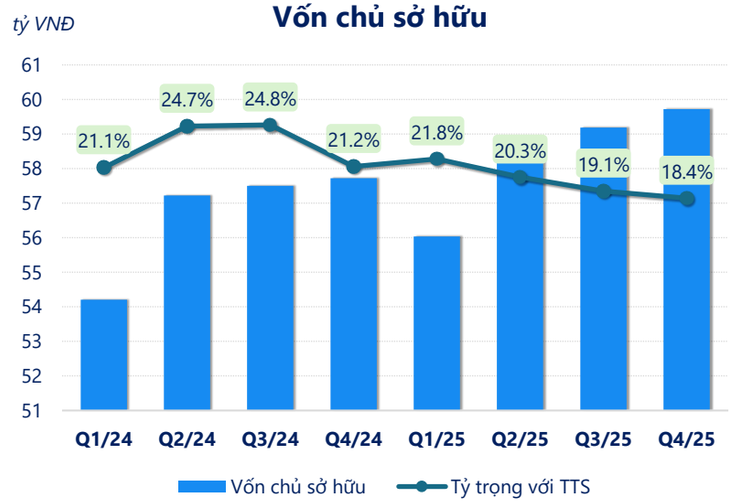
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

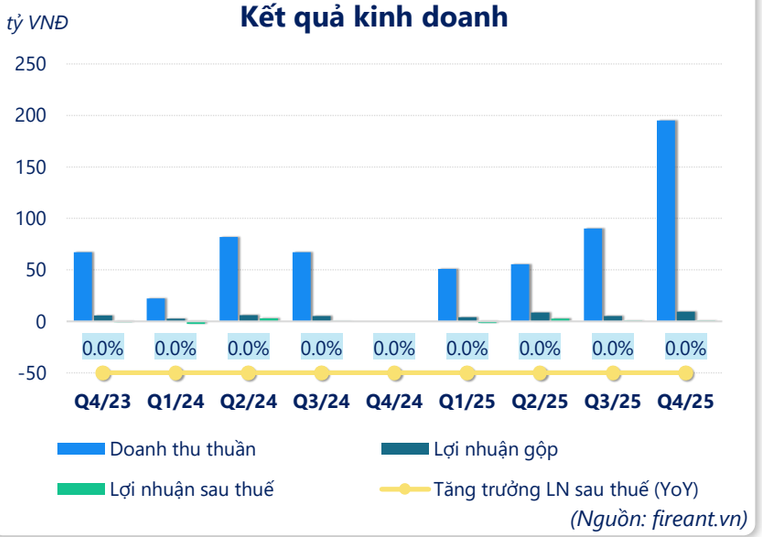


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

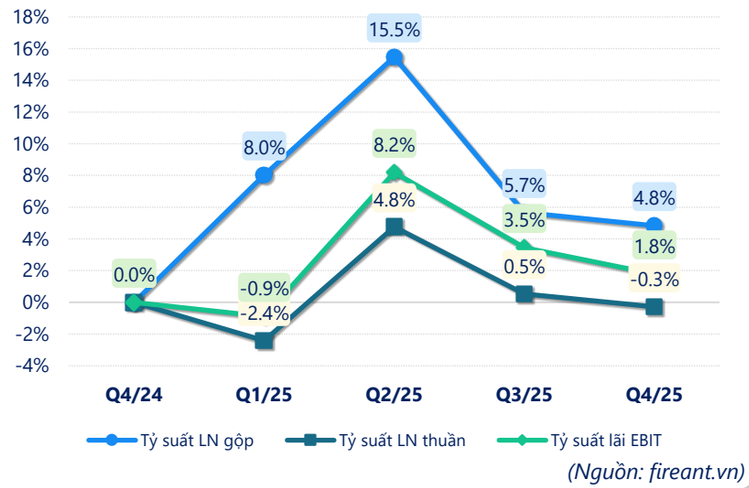
CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

Kết quả kinh doanh



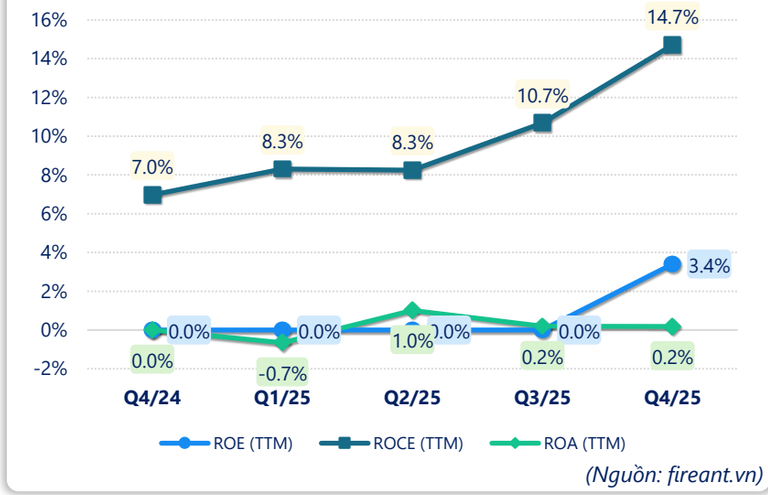
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



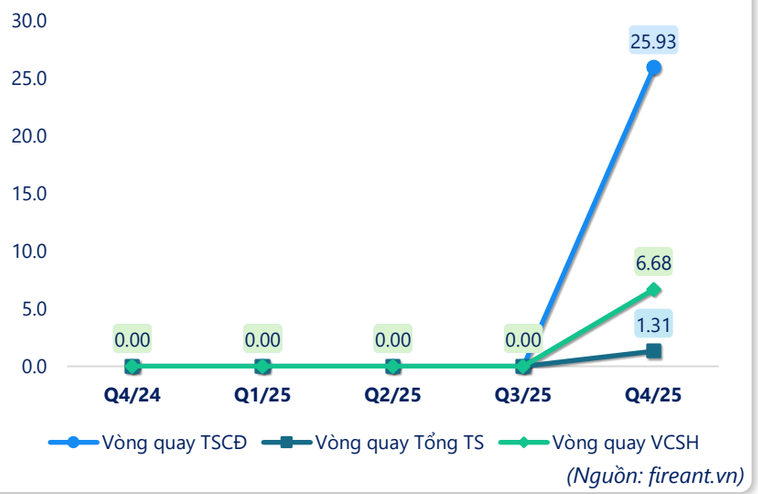
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



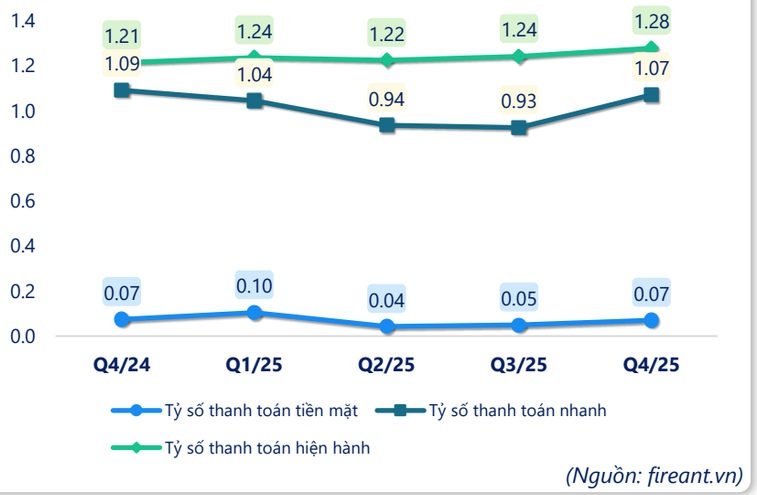
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



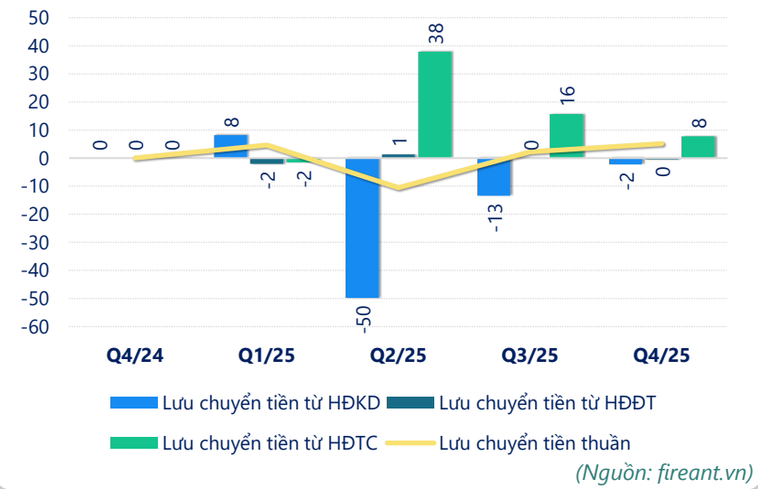
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**324**	**272**	**18.9%**
Tài sản ngắn hạn	308	254	21.2%
Tiền và tương đương tiền	16.9	15.4	9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	9.16	42.2%
Phải thu ngắn hạn	224	198	13.2%
Hàng tồn kho	49.8	25.7	93.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.72	6.35	-25.7%
Tài sản dài hạn	**15.6**	**18.1**	**-13.6%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.01	50.0%
Tài sản cố định	14.0	16.2	-13.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.36	-44.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.34**	**1.49**	**-10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	264	215	23.1%
Nợ ngắn hạn	**241**	**210**	**15.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.2	56.1	75.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.4	35.7	29.8%
Nợ dài hạn	22.9	5.14	346%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.9	5.09	350%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**59.7**	**57.7**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**59.7**	**57.7**	**3.5%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần		51.0	55.6	90.1	195
Giá vốn hàng bán		46.9	47.0	85.0	186
Lợi nhuận gộp		4.10	8.61	5.10	9.43
Doanh thu HĐTC		0.18	0.54	3.40	-1.41
Chi phí TC		1.37	2.33	2.63	3.62
Chi phí lãi vay		1.23	1.92	2.59	2.95
LN trong công ty LKLD		0	0	0	0
Chi phí bán hàng		0.01	0.07	0.03	0.06
Chi phí QLDN		4.13	4.11	5.35	4.89
LN thuần từ HĐKD		-1.23	2.65	0.49	-0.56
Lợi nhuận khác		-0.45	-0.01	0.03	1.09
LN trước thuế		-1.68	2.63	0.52	0.53
Lợi nhuận sau thuế		-1.68	2.63	0.52	0.53
LNST của CĐ cty mẹ		-1.68	2.63	0.52	0.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	8.20	-49.8	-13.4	-2.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-2.04	1.34	0.02	-0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.53	37.9	15.7	7.80
Tiền đầu kỳ	0	15.4	20.1	9.52	11.8
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**4.63**	**-10.5**	**2.27**	**5.14**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	-0.03	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	0	20.1	9.52	11.8	16.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic